

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
(Căn cứ theo luật doanh nghiệp 2005)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Loại hình doanh nghiệp và luật điều chỉnh chung

1. Công ty cổ phần mía đường Nông Công (sau đây gọi là Công ty) được thành lập do việc Cổ phần hoá Công ty đường Nông Công - Doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán độc lập, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Mía Đường I, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty có:

- a- Tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, có con dấu riêng, mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước, ngoài nước, tại các quỹ và các tổ chức tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
 - b- Điều lệ tổ chức và hoạt động, bộ máy quản lý và điều hành.
 - c- Vốn, tài sản riêng; chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn Điều lệ của Công ty.
 - d- Kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - e- Sử dụng hệ thống báo cáo tài chính của Bộ Tài chính ban hành, lập các quỹ tập trung theo quy định tại Điều lệ này hoặc tại các quy chế của Công ty và phù hợp với pháp luật.
2. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của luật chuyên ngành về cùng một vấn đề thì áp dụng theo quy định của luật chuyên ngành.

Điều 2: Tên, biểu trưng, trụ sở, Chi nhánh, văn phòng đại diện, thời gian hoạt động của Công ty.

1. Tên pháp lý của Công ty:

- + Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần mía đường Nông Công
- + Tên viết tắt bằng tiếng Việt: NOCO CP
- + Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Nong Cong Sugar and Sugarcane Joint Stock Company.

+ Tên viết tắt tiếng Anh là: NOSUCO

2. Công ty có biểu trưng do Hội đồng quản trị quy định

3. Địa chỉ trụ sở chính tại: Xã Thăng Long - Huyện Nông Công - Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 037. 3839. 369; Fax: 037. 3839. 435

4. Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài hoạt động theo quy định của Pháp luật hiện hành.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty: là vô hạn.

Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn đã định theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông hoặc của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Điều 3: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu

Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của Doanh nghiệp, thay đổi phương thức quản lý với nhiều chủ sở hữu trong đó có đông đảo người lao động, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản Nhà nước và của Doanh nghiệp.

Tạo điều kiện huy động vốn toàn xã hội, cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và nước ngoài để đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, phát triển doanh nghiệp.

Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông, tăng cường giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, đảm bảo hài hoà lợi ích của Nhà Nước, Doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường
- Buôn bán tổng hợp
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Trồng cây mía
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị vật tư ngành chế biến đường

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Sản xuất các sản phẩm sau đường;
- Hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Tư vấn và chuyển giao công nghệ trồng mía, giống mía

Tư vấn và chuyển giao công nghệ chế biến đường

- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Sản xuất nồi hơi (trụ nồi hơi trung tâm)
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sửa chữa thiết bị khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Điều 4: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật phải thường trú tại Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 ngày tại Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Điều 5. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng CSVN và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty được hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị xã hội khác được thành lập và hoạt động phù hợp với

quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Điều 6: Vốn Điều lệ.

1. Vốn Điều lệ (VĐL) của Công ty là tổng số vốn do các cổ đông đóng góp, dưới hình thức mua cổ phần và được ghi vào điều lệ Công ty. Vốn điều lệ được đóng góp bằng tiền Việt Nam hoặc bằng hiện vật được định giá theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam.

Vốn Điều lệ của Công ty là:

- a. Tỷ lệ vốn Điều lệ được phân chia theo Quyết định số 1712/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/6/2006 ngày 07/9/2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn là: **11.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ đồng).**
 - b. Vốn Điều lệ và cơ cấu vốn Điều lệ được phân chia theo kết quả phát hành cổ phần tăng vốn Điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2007 là: **20.844.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ, tám trăm, bốn mươi bốn triệu đồng).**
2. Việc tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty cổ phần phải do ĐHĐCĐ quyết định và phù hợp với tình hình phát triển của Công ty và các quy định của pháp luật.
 3. Vốn Điều lệ được sử dụng vì mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty; ngoài ra có thể sử dụng vì mục đích khác khi được ĐHĐCĐ phê duyệt, hoặc trong trường hợp thích hợp được Hội đồng quản trị của Công ty phê chuẩn theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này.
 4. Không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới mọi hình thức (trừ trường hợp ĐHĐCĐ bất thường quyết định sửa đổi Điều lệ nhằm thu hẹp quy mô sản xuất).

Điều 7: Cổ phần:

1. Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần. Vốn Điều lệ của Công ty là 20.844.000.000 đ được chia thành 2.084.400 phần, mỗi phần tương ứng với một cổ phần và có mệnh giá là 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng Việt Nam)
2. Có hai loại cổ phần chính là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Trong cổ phần ưu đãi có các loại cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định.
 - Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được ưu đãi trả cổ tức với mức cao hơn cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm.
 - Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần được ưu đãi có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.
 - Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty ưu đãi hoàn lại vốn góp

bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu.

3. Tất cả các cổ phần của Công ty phát hành vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của ĐHĐCĐ.
6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
7. Cổ phần phổ thông phải ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty (Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác). Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 8: Cổ đông

1. Cổ đông là những cá nhân, pháp nhân sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần. Số lượng cổ đông tối thiểu là 3 (ba) và không hạn chế số lượng tối đa.
2. Cá nhân hoặc tổ chức sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cá nhân hoặc tổ chức sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.
3. Trừ những tổ chức, cá nhân không được phép mua cổ phần theo quy định của pháp luật, còn lại bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng có thể mua cổ phần Công ty và trở thành cổ đông Công ty. Một tổ chức, cá nhân có thể sở hữu một hoặc các loại cổ phần được Công ty phát hành sau lần phát hành đầu tiên.
4. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã nộp đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký Cổ đông của công ty.
5. Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần mía đường Nông Công là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:
 - a/ Tham gia mua cổ phần lần đầu của Công ty.
 - b/ Tham gia xây dựng, thông qua Điều lệ đầu tiên của công ty cổ phần.

Điều 9: Quyền hạn của cổ đông.

1. *Quyền của Cổ đông phổ thông.*

1.1. Cổ đông phổ thông có quyền:

- 1.1.1. Được quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này; được chất vấn, kiến nghị về các quyết định, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát. Trong phạm vi Điều lệ này, cổ đông phổ thông là cổ đông có quyền biểu quyết (CQBQ).
- 1.1.2. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp và loại cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 1.1.3. Được ưu tiên mua cổ phần khi Công ty phát hành thêm cổ phần tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
- 1.1.4. Được thừa kế, tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại mục 1.1; 1.2; 1.3 khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 1.1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- 1.1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 1.1.7. Được chia tài sản còn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng số vốn góp sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ cho các chủ nợ và các cổ đông ưu đãi cổ tức và cổ đông ưu đãi hoàn lại (nếu có).
- 1.1.8. Được uỷ quyền cho người khác tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ. Người được uỷ quyền phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không được uỷ quyền lại cho người khác.
- 1.1.9. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

1.2. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất là 06 tháng trở lên ngoài các quyền như quy định ở mục 1.1 nêu trên còn có quyền:

1.2.1. Đề cử người vào Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) theo tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng:

+ Số cổ phần: $10\% \div < 30\%$ được đề cử $\leq 20\%$ số thành viên của HĐQT, BKS

+ Số cổ phần: $30\% \div < 50\%$ được đề cử $\leq 40\%$ số thành viên của HĐQT, BKS

+ Số cổ phần: $\geq 50\%$ được đề cử số thành viên HĐQT, BKS theo tỷ lệ tương ứng.

Việc đề cử người vào HĐQT và BKS được thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về

việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT, BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

1.2.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

1.2.3. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

1.2.4. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp nêu ở tiết 1.2.3 mục 1.2 khoản 1 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có đầy đủ các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông: họ tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số ĐKKD đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

1.2.5. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như quy định tại tiết 1.2.4 mục 1.2 khoản 1 Điều này; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích cần kiểm tra;

1.2.6. Các quyền khác theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quyền của cổ đông ưu đãi.

2.1.1. Cổ đông ưu đãi cổ tức và cổ đông ưu đãi hoàn lại không có quyền: Biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và BKS; còn lại được hưởng các quyền khác như cổ đông phổ thông.

2.1.2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ với số phiếu biểu quyết được quy định tại Điều lệ công ty.

Ưu đãi biểu quyết của Cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép ĐKKD. Sau thời hạn 3 năm cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập được chuyển thành cổ phần phổ thông. Không được chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác; còn lại được hưởng các quyền khác như cổ đông phổ thông.

3. *Cử người đại diện (NDD) theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.*

Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số NDD theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một NDD theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi NDD. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi NDD đều phải thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời gian sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ĐKKD của cổ đông.
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty.
- c. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của NDD theo uỷ quyền.
- d. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện.
- e. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền.
- f. Họ tên, chữ ký của NDD theo uỷ quyền và NDD theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về NDD theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan ĐKKD trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

Điều 10: Nghĩa vụ của cổ đông.

Cổ đông phổ thông có trách nhiệm và nghĩa vụ:

1. Góp đủ số vốn theo số cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục, thời gian đã quy định của công ty.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì người đại diện theo pháp luật và thành viên HĐQT của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
3. Tuyệt đối chấp hành Điều lệ công ty, các Nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ; quy chế quản lý nội bộ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.
4. Chịu trách nhiệm về số nợ, số lỗ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty

tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi đó.

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
6. Chịu trách nhiệm bồi thường vật chất do vi phạm Điều lệ này hoặc các vi phạm khác làm tổn thất tài sản, uy tín, danh dự của Công ty.
7. Phát hiện những vi phạm pháp luật, chế độ chính sách Nhà Nước của các thành viên trong công ty và chịu trách nhiệm về phát hiện của mình.
8. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn dẫn đến tài chính của Công ty gặp khó khăn.
9. Khi Điều lệ có hiệu lực, bất kỳ đối tượng nào là cổ đông của Công ty thì coi như đã tán thành toàn bộ nội dung Điều lệ này và từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ này với bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào.
10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

** Cổ đông ưu đãi có nghĩa vụ như Cổ đông phổ thông, ngoài ra có những nghĩa vụ khác theo quy định tại điều lệ này và luật Doanh Nghiệp.*

Điều 11: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty có trách nhiệm lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông tại trụ sở Công ty từ khi được cấp giấy chứng nhận ĐKKD. Sổ đăng ký cổ đông phải được lập thành văn bản và có thể là tập dữ liệu điện tử.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, trụ sở chính của Công ty
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại.
 - c. Tổng số cổ phần đã bán từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - d. Những thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như quy định tại tiết 1.2.4, mục 1.2, khoản 1. Điều 9 Điều lệ này.
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty (sau này khi cần thiết sẽ lưu thêm ở Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty.
4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được công ty đăng ký với cơ quan ĐKKD có thẩm quyền trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 12: Chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng chỉ cổ phiếu:

1.1. Cổ phiếu là một loại chứng chỉ có giá do Công ty Cổ phần phát hành để xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty; người sở hữu cổ phiếu là cổ đông Công ty cổ phần; cổ phiếu có hai loại: cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi.”

+ Người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền biểu quyết đối với các quyết định của công ty tại ĐHĐCĐ công ty cổ phần và được hưởng cổ tức (Cổ tức này không cố định có thể có và có thể không, tùy thuộc vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty).

+ Người sở hữu cổ phiếu ưu đãi được hưởng cổ tức cố định hàng năm mặc dù Công ty có lãi hay không có lãi và có thể được hưởng một số quyền biểu quyết nhưng rất hạn chế. Như vậy cổ phiếu ưu đãi gần giống như trái phiếu.

1.2. Cổ phiếu của Công ty có mệnh giá là bội số của 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) và có thể phát hành dưới 1 trong 2 dạng là Tờ cổ phiếu hoặc Sổ chứng nhận cổ đông (theo mẫu quy định của Bộ Tài Chính), cả 2 đều có giá trị như nhau; chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Luật Danh nghiệp.

1.3. Cổ phiếu của Công ty có hai loại, cổ phiếu vô danh và cổ phiếu ghi danh.

a. Cổ phiếu vô danh là cổ phiếu không ghi tên cổ đông và được tự do chuyển nhượng.

b. Cổ phiếu ghi danh là cổ phiếu ghi rõ họ và tên, địa chỉ của cổ đông và không được tự do chuyển nhượng.

1.4. Cổ phiếu của cổ đông là người lao động trong Công ty được mua cổ phần với giá ưu đãi là những cổ phiếu không ghi danh, được tự do chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

1.5. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật DN, pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Chứng chỉ chứng khoán khác:

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 13: Cấp cổ phiếu

1. Sau thời hạn 3 tháng kể từ khi hoàn thành các thủ tục chuyển đổi hình thức

sở hữu doanh nghiệp và các cổ đông đã thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua trong thời hạn quy định, Công ty sẽ cấp cổ phiếu cho từng cổ đông theo đúng mẫu quy định của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty và phải sửa chữa hoàn chỉnh sai sót đó trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát hiện sai sót.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và phải chịu chi phí cho việc cấp lại cổ phiếu với mức 0,1% trên mệnh giá của cổ phiếu được cấp lại.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa > 10.000.000VNĐ, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, NDD theo pháp luật của công ty yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 14: Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần, số lượng cổ phần tối đa một cá nhân hoặc một pháp nhân được phép mua trong phạm vi các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được ĐHĐCĐ quyết định. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a- Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

b- Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần của họ hiện có ở Công ty.

c- Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần chiết khấu dành cho người môi giới và bảo lãnh. Chiết khấu được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán. Mức chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít

nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

d- Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.

2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần của họ hiện có tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau:

a. Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo Trung ương và địa phương trong 03 số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

b. Thông báo phải có các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như nêu tại tiết 1.2.4 mục 1.2, khoản 1 Điều 9 Điều lệ này; số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của NĐD theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có Mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành.

c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do HĐQT quản lý. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý nhưng không được thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 15: Chuyển nhượng, thừa kế và thu hồi cổ phần.

1. Quyền chuyển nhượng cổ phần :

1.1. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp muốn chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận và khi đó người được nhận chuyển nhượng đương nhiên trở

thành cổ đông sáng lập của công ty; sau thời hạn 03 năm hạn chế này được bãi bỏ.

- 1.2. Cổ phần của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị không được phép chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trong trường hợp đặc biệt (nếu có) thì các thành viên của Hội đồng quản trị bỏ phiếu nhất trí việc chuyển nhượng này.
- 1.3. Cổ phần của thành viên BKS, Tổng giám đốc Công ty chỉ được chuyển nhượng khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- 1.4. Cổ phần phổ thông của các cổ đông khác được quyền tự do chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
- 1.5. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng cổ phần khi chưa đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

2. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần:

- 2.1. Thủ tục chuyển nhượng là giấy chuyển nhượng có chữ ký của hai bên, có xác nhận của Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần và được điều chỉnh bổ sung trong sổ đăng ký cổ đông. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.
- 2.2. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi danh thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 2.3. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán / Trung tâm Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán / Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

3. Thừa kế cổ phần.

- 3.1. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
Trong trường hợp một cổ đông bị chết, Công ty công nhận quyền thừa kế cổ phần của người đã chết như sau:
 - a. Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì phải cử người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng, Công ty không giải quyết các tranh chấp giữa những người thừa kế hợp pháp.
- 3.2. Người có quyền thừa kế hợp pháp đăng ký làm thủ tục sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành Cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế.

4. Thu hồi cổ phần

- 4.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải thanh

toán mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho công ty theo quy định.

- 4.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 4.3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và chi phí liên quan, HĐQT có quyền thu hồi số cổ phần đó. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định.
- 4.4. Cổ phần bị thu hồi trở thành tài sản của công ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
- 4.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất tiền vay ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- 4.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông và theo quyết định của công ty.

1. *Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:*

- 1.1. Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty theo các hình thức: chia, tách, sáp nhập; giải thể Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.
- 1.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1.1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được yêu

cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- 2.1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do ĐHĐCĐ quyết định. Các trường hợp còn lại do Hội đồng quản trị quyết định.
- 2.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại tiết 2.3 khoản 2 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua không được thấp hơn giá thị trường.
- 2.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và tên Công ty, trụ sở chính, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc tính giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại phải gửi bản chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như nêu tại tiết 1.2.4 mục 1.2, khoản 1 Điều 9 Điều lệ này; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc NĐD theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại số cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 17: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại.

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại điều 16 Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và TGD phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.
5. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III

BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18: Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty như sau:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCD) : Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Hội đồng quản trị (HĐQT) : Là cơ quan quản lý của Công ty.
3. Tổng giám đốc (TGD) : Là người điều hành các công việc hàng ngày của Công ty.
4. Ban kiểm soát (BKS) : Giám sát và kiểm tra sự tuân theo Điều lệ này và pháp luật có liên quan đối với HĐQT, Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc và các cá nhân trong Công ty.

I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCD là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, ĐHĐCD gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này.
2. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD.
3. Số lượng đại biểu dự ĐHĐCD tại mỗi kỳ đại hội do HĐQT quyết định tùy theo điều kiện thực tế và tính chất, nội dung cuộc họp. Việc lựa chọn cụ thể các đại biểu đi dự họp sẽ căn cứ vào mức sở hữu một lượng cổ phần nhất định thích hợp. Những cổ đông có số cổ phần đảm bảo từ mức này trở lên là đại biểu đương nhiên đi dự đại hội; Những cổ đông có số lượng cổ phần dưới mức này có thể uỷ quyền trực tiếp hoặc liên kết lại với nhau đảm bảo

một số lượng cổ phần khác theo quy định để uỷ quyền cho một người đại diện đi dự họp.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ thường niên có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
3. Bầu, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS.
4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị $\geq 50\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, quyết định tăng giảm VDL trừ trường hợp điều chỉnh VDL do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ công ty.
6. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, thảo luận thông qua báo cáo kiểm toán viên.
7. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán cho mỗi loại.
8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, BKS, thành viên BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty.
9. Quyết định tổ chức lại Công ty dưới các hình thức: chia, tách, sát nhập và việc giải thể Công ty.
10. Thảo luận thông qua báo cáo của BKS về tình hình Công ty.
11. Thảo luận thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị.
12. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
13. Thông qua việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 21. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ họp ít nhất mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HĐQT quy định ở từng thời điểm. Ngoài ra ĐHĐCĐ có thể họp bất thường theo quy định của Điều lệ này. Mọi chi phí tiến hành họp ĐHĐCĐ được tính vào chi phí hoạt động của Công ty.
2. Do đặc thù của ngành sản xuất mía đường nên ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức sau khi kết thúc vụ sản xuất, nhưng không quá tháng 7 hàng năm. Trong trường hợp Đại hội chậm lại theo đề nghị của HĐQT, phải được cơ quan ĐKKD gia hạn, nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày 31/7 hàng năm. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - 2.1. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - 2.2. Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;

- 2.3. Báo cáo của BKS về quản lý công ty của HĐQT, TGD;
- 2.4. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- 2.5. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày đối với các trường hợp sau:
 - 3.1. Theo quyết định của Hội đồng quản trị xét thấy vì lợi ích của công ty.
 - 3.2. Khi HĐQT và kiểm toán viên độc lập thấy rằng cần thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty.
 - 3.3. Khi bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất đi 30%.
 - 3.4. Khi số thành viên Hội đồng quản trị giảm hơn 1/3 số thành viên quy định trong Điều lệ. Trong các trường hợp giảm ít hơn hoặc bằng 1/3 số thành viên HĐQT, thì tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm (Điều 115 khoản 3 Luật doanh nghiệp)
 - 3.5. Theo yêu cầu của BKS.
 - 3.6. Khi cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông như quy định tại mục 1.2 khoản 1 Điều 9 Điều lệ này của Công ty yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị có chữ ký của các cổ đông liên quan.
 - 3.7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo như quy định nói trên thì BKS phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày tiếp theo.

Nếu BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trưởng BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
5. Trường hợp BKS không tiến hành triệu tập họp ĐHĐCĐ theo như quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại tiết 3.6 khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị và BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan ĐKKD giám sát việc triệu tập và tiến hành cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.
6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác

định thời gian, địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

7. Tất cả các chi phí hợp lý và trực tiếp liên quan tới việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ quy định tại các khoản 4, 5, 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự đại hội, kể cả chi phí ăn ở, đi lại.

Điều 22: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ (Hội đồng quản trị, BKS hoặc cổ đông, nhóm cổ đông) phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ (theo quy định tại khoản 2, của Điều này). Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty, được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có đủ thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như quy định tại tiết 1.2.4 mục 1.2 khoản 1 Điều 9 Điều lệ này; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Danh sách phải được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty và địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi khai mạc cuộc họp là 05 ngày làm việc.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 23: Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, các thông tin cần thiết và các vấn đề sẽ được thảo luận biểu quyết tại đại hội, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp xác định thời gian, địa điểm họp để gửi cho các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông và nhóm cổ đông như quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 9 Điều lệ này có quyền kiến nghị những vấn đề đưa vào nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được lập thành văn bản, phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và phải gửi tới Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được quyền từ chối các kiến nghị quy định tại khoản 2 của Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các kiến nghị được gửi tới không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng những quy định tại khoản 2 Điều này.
 - b. Các kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp trừ trường hợp quy định tại khoản 3 của Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 24: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp tới tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, nơi ĐKKD của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc NDD theo uỷ quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, nội dung họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 25: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phổ thông là cá nhân, NDD theo uỷ quyền của cổ đông phổ thông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có NDD theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp ĐHĐCĐ.

2. Việc uỷ quyền cho NDD dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu quy định của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.
- b. Trường hợp NDD theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của NDD theo uỷ quyền, NDD theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của NDD theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào dự họp.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
 - b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc họp ĐHĐCĐ
 5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người đã chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 26: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết (CQBQ).
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ 2 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần CQBQ.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ 2 dự định tiến hành. Trong trường hợp này cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần CQBQ của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

Điều 27: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký việc dự họp ĐHĐCĐ cho các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp một thẻ biểu quyết. *Thẻ biểu quyết* có ghi mã số của cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
Số phiếu biểu quyết của một cổ đông phụ thuộc vào số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu. Mỗi cổ phần phổ thông là một phiếu biểu quyết.
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được xác định theo các quy định sau:
 - a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa cử 01 hoặc 02 người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ.
- d. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số người trong ban kiểm phiếu do đại hội quyết định.
- 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 4. Chủ tọa và thư ký ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết được chủ tọa thông báo ngay sau khi kết thúc kiểm phiếu.
- 6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký, nhận thẻ biểu quyết và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ sẽ bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 28: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - 2.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - 2.2. Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - 2.3. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - 2.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - 2.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - 2.6. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
 - 2.7. Tổ chức lại (chia tách, sát nhập), giải thể công ty.
3. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - 3.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu CQBQ của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 3.2. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; thông qua, sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại theo hình thức: chia, tách, sát nhập; giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu CQBQ của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần CQBQ là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu CQBQ chấp thuận bằng văn bản.
6. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.
7. Cổ đông không có quyền biểu quyết để thông qua nghị quyết trong các trường hợp sau đây:
 - a. Nếu cổ đông hoặc người có liên quan cổ đông đó là một bên hợp đồng kinh tế như quy định tại tiết 1.1 khoản 1 điều 43 Điều lệ này.

b. Cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm đầu mà chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập thì không có quyền biểu quyết khi ĐHĐCĐ biểu quyết phê chuẩn việc chuyển nhượng đó.

Điều 29: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận ĐKKD, nơi ĐKKD của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như quy định tại tiết 1.2.4 mục 1.2 khoản 1 điều 9 Điều lệ này; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông đối với cá nhân, của NDD theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã quy định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, nơi ĐKKD;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Các quyết định đã được thông qua;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và của người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty;
- 8. Các quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 30 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, nơi ĐKKD của công ty.
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp.
 - d. Chủ toạ và thư ký
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h. Các quyết định đã được thông qua.
 - i. Họ tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản lập bằng tiếng Việt. Nếu dùng cả tiếng nước ngoài thì cả hai thứ tiếng đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự sai khác giữa hai thứ tiếng thì lấy tiếng Việt làm chuẩn.

- 2- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua ĐHĐCĐ trước khi bế mạc cuộc họp.
- 3- Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 31 - Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và BKS có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

II - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32- Những quy định chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ bầu ra theo quy định tại Điều lệ này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông của Công ty, các trường hợp khác do ĐHĐCĐ quyết định.
4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty. Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho Hội đồng quản trị.
7. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
8. Hội đồng quản trị có thể có chuyên viên giúp việc hoạt động chuyên trách.
9. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

10. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

Điều 33- Bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra theo phương thức bầu dồn phiếu trong số ứng cử viên do cổ đông đề cử.
2. Khi bầu các thành viên HĐQT, ít nhất 1/3 số thành viên phải là thành viên độc lập không tham gia điều hành.
3. Cổ đông có quyền biểu quyết được tham dự ĐHĐCĐ có quyền ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử phải theo quy định tại tiết 1.2.1 - Điều 9 Điều lệ này. Ứng cử viên được đề cử vào HĐQT phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:
 - 3.1- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.
 - 3.2- Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - 3.3- Là cổ đông của công ty
 - 3.4- Có năng lực, có kinh nghiệm quản lý và điều hành.
 - 3.5- Có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết về pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
5. Chậm nhất là 02 tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu ra Hội đồng quản trị mới.
6. Trường hợp Hội đồng quản trị không tiến hành triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu ra Hội đồng quản trị mới trong thời hạn theo như quy định trên, BKS có trách nhiệm tiến hành triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu ra Hội đồng quản trị mới chậm nhất là 01 tháng trước ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị .
7. Trường hợp BKS không tiến hành triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu ra Hội đồng quản trị theo thời hạn nêu trên thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 9 Điều lệ này có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ để tiến hành bầu Hội đồng quản trị mới. Mọi chi phí trực tiếp và hợp lý liên quan đến việc triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại.
8. Thủ tục và trình tự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này .

Điều 34. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ như sau:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty.

2. Đề xuất các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn dưới hình thức khác theo đề nghị của Tổng giám đốc.
4. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư chiều sâu đổi mới máy móc thiết bị; các dự án đầu tư nâng cao công suất sản xuất; các dự án đầu tư nhằm sản xuất và cung ứng các sản phẩm dịch vụ mới trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ theo đề nghị của Tổng giám đốc. Thông qua các Hợp đồng mua bán, vay, cho vay thế chấp bảo đảm cho vay, bảo lãnh bồi thường và các hợp đồng khác theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Điều lệ này.
6. Quyết định thuê, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, phê chuẩn mức lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc Công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và phê chuẩn mức lương và lợi ích khác của các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và Giám đốc các Chi nhánh, các Công ty thành viên; thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng kỷ luật đối với các chức danh quản lý khác là cấp trưởng (Phòng, ban, phân xưởng và cấp tương đương) theo đề nghị của TGD. Cử NĐD theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
7. Giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.
8. Phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật, các định mức chi phí quản lý khác, phương án trả lương, trả thưởng do Tổng giám đốc Công ty trình.
9. Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập các Công ty con, các Chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn vào hoặc mua cổ phần của các Doanh nghiệp khác.
10. Trình báo các quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ thông qua.
11. Giới thiệu Công ty kiểm toán để ĐHĐCĐ thông qua.
12. Kiến nghị mức cổ tức được trả trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
13. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, đá quý, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công

- nghệ, hoặc tài sản khác không phải là tiền mặt. Quyết định số lượng cổ phần, trái phiếu tối đa bán cho các cá nhân, pháp nhân.
14. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
 15. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại. Quyết định mức giá mua lại số cổ phần đó.
 16. Đề xuất, kiến nghị việc tổ chức lại Công ty theo các hình thức: chia, tách, sáp nhập hoặc giải thể Công ty trình ĐHĐCĐ quyết định.
 17. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 18. Hội đồng quản trị lãnh đạo Công ty để Công ty làm ăn thua lỗ mất vốn 2 năm liên thì phải giải trình các nguyên nhân khách quan, chủ quan trước ĐHĐCĐ để Đại hội xem xét và quyết định những vấn đề liên quan đến trách nhiệm của HĐQT kể cả trách nhiệm về vật chất và xem xét có thể tiếp tục đảm nhiệm trách nhiệm của HĐQT nữa hay không.
 19. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - 3.2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - 3.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
 - 3.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - 3.5. Chủ tọa họp ĐHĐCĐ.
 - 3.6. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế khác có liên quan.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao (không làm việc được) thì các thành viên còn lại bầu 01 người trong số thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 36. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu ra Phó chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng giám đốc Công ty.
3. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên HĐQT.
 - b. Thay mặt Chủ tịch HĐQT lập các chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ các cuộc họp Hội đồng quản trị khi được uỷ quyền của chủ tịch HĐQT.
 - c. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo sự phân công của chủ tịch HĐQT.
 - d. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế khác có liên quan.

Điều 37. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị phải họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty khi Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết hoặc có một trong các văn bản sau đây:
 - a. Có đề nghị của Tổng giám đốc.
 - b. Có đề nghị của BKS.
 - c. Có đề nghị của ít nhất 2 thành viên Hội đồng quản trị

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và TGD như đối với thành viên HĐQT.
Thành viên BKS, TGD không phải là thành viên HĐQT, có thể được Chủ tịch HĐQT mời dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên HĐQT dự họp.
Thành viên HĐQT không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản thì phải có trên 50% tổng số các văn bản của thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.
9. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
10. Các cuộc họp của HĐQT đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung hợp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp;
- e. Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến.
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Chủ toạ và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

11. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
12. Biên bản lập bằng tiếng Việt. Nếu dùng cả tiếng nước ngoài thì cả hai thứ tiếng đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự sai khác giữa hai thứ tiếng thì lấy tiếng Việt làm chuẩn.

Điều 38. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ hàng quý xem xét và quyết định, phê duyệt những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình.
2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác được quy định tại Điều lệ này. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Khi Hội đồng quản trị họp để xem xét những vấn đề có nội dung quan trọng liên quan đến chính quyền địa phương thì có thể mời đại diện chính quyền địa phương tham dự họp; trường hợp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động thì phải mời đại diện Công đoàn Công ty đến dự. Đại diện của các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu nhưng không tham gia biểu quyết; khi phát hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có phương hại đến lợi ích chung có quyền kiến nghị bằng văn bản đến Hội đồng quản trị.
4. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với toàn Công ty. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về các nghị quyết, quyết định của mình. Trong trường hợp ý kiến của Tổng giám đốc khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

thì Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với ĐHĐCĐ xem xét quyết định; trong thời gian chưa tiến hành ĐHĐCĐ hoặc ĐHĐCĐ chưa có ý kiến quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 39: Quyền và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên của Hội đồng quản trị cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành các hoạt động quản lý Công ty theo quy định Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty, các chức danh quản lý khác tại Công ty và các doanh nghiệp thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm một hay nhiều chức vụ nào đó trong Công ty thì được hưởng lương theo chức vụ kiêm nhiệm cao nhất.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý ở các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về mọi nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ được giao, vi phạm Điều lệ này, quyết định sai hoặc vượt thẩm quyền, lạm dụng chức quyền gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất đối với các thiệt hại mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 40: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này
 - b. Có đơn xin từ chức.
 - c. Vắng mặt không tham dự liên tục 03 cuộc họp Hội đồng quản trị mà không có lý do chính đáng, không được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị và HĐQT đã quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - d. Không đủ tư cách là thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng quản trị.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ

trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

III .TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 41: Những quy định chung về Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc:

1. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT hoặc thuê người khác. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm; có thể bổ nhiệm lại, thuê lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn để lựa chọn Tổng giám đốc:
 - 2.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - 2.2. Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
 - 2.3. Có kinh nghiệm quản lý và điều hành không dưới 03 năm.
 - 2.4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, nhiệt tình, tận tụy với công việc; có hiểu biết pháp luật.
 - 2.5. Không được tham gia quản lý và điều hành ở một đơn vị sản xuất kinh doanh khác.
 - 2.6. Tổng giám đốc điều hành Công ty bị thua lỗ 2 năm liên tục do chủ quan hoặc không chấp hành nghị quyết của HĐQT sẽ bị bãi nhiệm.
3. Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Đồng thời không tham gia các chức danh quản lý điều hành sản xuất ở đơn vị sản xuất kinh doanh khác.
4. Kế toán trưởng Công ty giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức bộ máy quản lý điều hành Công ty, không được đồng thời tham gia các chức danh quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh ở một đơn vị khác.

Vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được làm Kế toán trưởng, thủ quỹ của công ty.

Vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Kế toán trưởng không được làm kế toán, thủ quỹ của công ty.

5. Các cán bộ quản lý thuộc các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc và thực hiện quản lý điều hành Công ty theo yêu cầu của Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao; không tham gia các chức danh quản lý điều hành sản xuất ở đơn vị sản xuất kinh doanh khác.

Điều 42: Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

1. Quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Ký kết tất cả các hợp đồng kinh tế, thương mại, tài chính theo quy định điều lệ này.
2. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
3. Xây dựng và Tổ chức thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trước HĐQT và ĐHĐCH.
4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ thuộc lĩnh vực điều hành Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Riêng đối với các chức danh quản lý là cấp trưởng (trưởng các phòng, ban, phân xưởng, chi nhánh và cấp tương đương) thì phải thông qua và được nhất trí của HĐQT.
6. Quyết định trả lương và các khoản chi phí có tính chất lương đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc theo phương án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
7. Tuyển dụng lao động phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty theo phương án được HĐQT phê duyệt.
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
9. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT và các quy chế có liên quan.

Điều 43: Nghĩa vụ của người quản lý công ty.

Người quản lý công ty gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, TGD, Trưởng BKS, các thành viên BKS.

Người quản lý công ty có nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của ĐHĐCĐ một cách trung thực, tận tụy, cẩn trọng vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
2. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không được lợi dụng chức vụ để trục lợi cho mình hoặc có hành động chiếm đoạt cơ hội kinh doanh của công ty. Không được hành động vượt quyền hạn của mình. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.
3. Phải công khai các lợi ích liên quan của mình với công ty:
 - 3.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với công ty bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, nơi ĐKKD của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, nơi ĐKKD của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Điều lệ này cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.
 - 3.2. Việc kê khai quy định tại mục 3.1 khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 - 3.3. Việc kê khai quy định tại mục 3.1 và 3.2 khoản 3 Điều này phải được thông báo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Cổ đông, NDD theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, TGD có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.
 - 3.4. Thành viên HĐQT, TGD nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả các thu nhập đó thuộc về công ty.

4. Khi Công ty không đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì TGD phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết.
 - b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho người lao động của Công ty, kể cả cho người quản lý.
 - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b của khoản này.
 - d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
5. TGD phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì TGD phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
6. Các nghĩa vụ khác và trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và quy chế của Công ty.

Điều 44: Các giao dịch, hợp đồng phải được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

1. Các hợp đồng, giao dịch phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký:
 - 1.1. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị $\leq 20\%$ tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất ký giữa công ty với các đối tượng sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông và những người liên quan của họ sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty;
 - b. Thành viên HĐQT, TGD;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, những người quản lý khác có sở hữu cổ phần tại doanh nghiệp đó .
 - d. Doanh nghiệp mà có những người liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và những người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần trên 35% VDL của doanh nghiệp đó.
 - 1.2. Các hợp đồng bảo lãnh, tín dụng hoặc các hợp đồng khác yêu cầu phải thế chấp, đặt cọc tài sản hoặc các nguồn lực khác thuộc quyền quản lý của Công ty mà tài sản hoặc các nguồn lực khác đem thế chấp, đặt cọc có giá trị từ 15% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - 1.3. Các hợp đồng đi thuê, đi mượn tài sản; cho thuê, cho mượn tài sản hoặc các nguồn lực khác thuộc quyền quản lý của Công ty mà giá trị tài sản đi thuê, đi mượn; giá trị tài sản hoặc các nguồn lực khác đem cho thuê, cho

mượn có giá trị từ 15% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- 1.4. Các hợp đồng mua sắm tài sản cố định, thanh lý, bán tài sản hoặc các nguồn lực khác thuộc quyền quản lý của Công ty có giá trị từ 1% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- 1.5. Các hợp đồng khác có giá trị từ 15% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
2. *Các hợp đồng phải được ĐHDCĐ chấp thuận trước khi ký:*
 - 2.1 Các hợp đồng, giao dịch có giá trị >20% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty ký giữa công ty với các đối tượng nêu ở tiết 1.1 khoản 1 Điều này.
 - 2.2. Các hợp đồng, giao dịch quy định nêu ở các tiết 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 khoản 1 Điều này, có giá trị $\geq 50\%$ tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
3. *Trường hợp hợp đồng, giao dịch được ký không theo đúng quy định tại Điều này thì hợp đồng, giao dịch đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc TGD có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.*
4. *Người có liên quan theo quy định tại điều này là vợ, chồng, cha, mẹ, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột.*

Điều 45. Các quy định khác

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng giám đốc, khi Tổng giám đốc vi phạm pháp luật hoặc mất khả năng làm việc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị giữ quyền Tổng giám đốc Công ty trong thời gian chưa kịp bổ nhiệm Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp nói trên phải tiến hành triệu tập họp Hội đồng Quản trị để thuê, bầu, bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trong vòng 30 ngày kể từ ngày giữ quyền Tổng giám đốc. Nếu sau thời hạn trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp thì bất cứ thành viên nào của Hội đồng quản trị cũng có quyền triệu tập họp để thuê, bầu, bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 46: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, TGD.

1. Công ty trả thù lao, tiền lương cho thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, TGD được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. TGD được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của TGD do HĐQT quyết định.
3. Thù lao của thành viên HĐQT và tiền lương của TGD và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 47. Những quy định chung

1. Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra theo phương thức bầu dồn phiếu trong số cổ đông của Công ty. Các cổ đông có quyền biểu quyết được tham dự ĐHĐCĐ, có quyền ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên để bầu vào BKS. Việc đề cử phải theo quy định tại tiết 1.2.1 mục 1.2 khoản 1 Điều 9 Điều lệ này. Những người ứng cử hoặc được đề cử vào BKS phải đảm bảo các điều kiện cơ bản sau:
 - 1.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp.
 - 1.2. Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
 - 1.3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.
 - 1.4. Là cổ đông của công ty.
 - 1.5. Có kinh nghiệm quản lý chuyên môn.
 - 1.6. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, nhiệt tình, tận tụy với công việc; có hiểu biết pháp luật.
 - 1.7. Thành viên BKS không được giữ chức vụ quản lý Công ty.
2. BKS số lượng là 03 người. BKS phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về Tài Chính Kế Toán và không nằm trong Phòng Tài chính kế toán của Công ty.

3. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Thành viên BKS trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 48. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị; hoạt động điều hành của Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc; hoạt động của các đơn vị thành viên Công ty trong hoạt động tài chính, chấp hành nội dung Điều lệ này, các nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và của pháp luật; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 Điều 9 (quyền của cổ đông phổ thông) của Điều lệ này.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 Điều 9 (quyền của cổ đông phổ thông) của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.